

Bản án số: 44/2017/HSPT
Ngày 05 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn
Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám
Ông Lê Thanh Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSPT ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đình H do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1975 tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940; anh chị em có 03 người; có vợ tên Nguyễn Hồng C, sinh năm 1983 (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang chấp hành bản án số 808/2009/HSPT ngày 08/10/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về các tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và tội “Tham ô tài sản” tại Trại giam Cái Tàu (Cà Mau), (có mặt).

- Người bị hại không kháng cáo:

1. Ông Trần Nhân N, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1978, (có đơn xin vắng mặt ngày 04/9/2017).

Cùng địa chỉ: Ấp H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Trương Trung T, sinh năm 1956 và bà Trần Thị X, sinh năm 1958, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thọ Hậu, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Nguyên đơn dân sự không kháng cáo, Tòa án không triệu tập:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng - kinh doanh chi nhánh huyện L, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu, nội dung vụ án như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình H được tuyển dụng làm kế toán của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L từ năm 2001. Nhiệm vụ được phân công là phụ trách theo dõi việc thu nợ vay đối với các xã L, T, Th và thị trấn L. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao từ năm 2003 đến năm 2007, khi các khách hàng đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L đưa tiền nhờ bị cáo Nguyễn Đình H trả nợ vay khi đến hạn hoặc nhờ bị cáo Nguyễn Đình H trả nợ dùm do không có khả năng trả nợ khi đến hạn để làm hồ sơ xin vay lại, khi được giải ngân sẽ trả lại tiền cho bị cáo Nguyễn Đình H. Sau khi nhận tiền bị cáo Nguyễn Đình H không thực hiện trả nợ Ngân hàng như đã cam kết mà dùng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của 101 người, với tổng số tiền 3.088.977.747 đồng sử dụng vào nhu cầu cá nhân. Với hành vi phạm tội nêu trên, ngày 22/7/2009 bị cáo Nguyễn Đình H bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử 20 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và 05 năm tù về tội “Tham ô tài sản”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 25 năm tù, án đã có hiệu lực.

Ngày 02/8/2011, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L có đơn đề nghị điều tra bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đình H và Nguyễn Thanh T về hành vi chiếm đoạt của các khách hàng: Trần Nhân N số tiền 20.440.000đ, Ngô Cẩm H số tiền 10.000.000đ, Trần Thị H2 số tiền 3.500.000đ, Trương Trung Th số tiền 25.000.000đ, Sử Thành L số tiền 40.000.000đ, Huỳnh Văn P số tiền 25.000.000đ, Nguyễn Duy Tr số tiền 10.000.000đ, Lê Thanh Tr số tiền 30.000.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 15.000.000đ, Huỳnh Bé H số tiền 10.000.000đ, Phạm Văn M số tiền 10.000.000đ, Trần Văn N số tiền 12.000.000đ và Đinh Hồng M số tiền 15.000.000đ.

Quá trình điều tra xác minh được, vào ngày 09/01/2007 Trần Nhân N ký hợp đồng tín dụng số 90907090101 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L số tiền 23.000.000đ. Đến ngày 10/5/2007 còn nợ lại số tiền 20.440.000đ, Trần Nhân N nhờ bị cáo Nguyễn Đình H trả khoản tiền còn lại để tắt toán hợp đồng tín dụng số 909070101 và làm hồ sơ vay lại, đến ngày 11/5/2007 Trần Nhân N được Ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L giải ngân số tiền 28.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 9090705112. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, Trần Nhân N đưa cho bị cáo Nguyễn Đình H số tiền 20.440.000đ đúng như thỏa thuận trước đó, nhưng bị cáo Nguyễn Đình H không trả Ngân hàng mà chiếm đoạt số tiền trên. Để che giấu hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Đình H sử dụng máy tính nội bộ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L, lập phiếu thu giả cho bộ phận tín dụng kiểm tra trên mạng máy tính xác định Trần Nhân N đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, in phiếu thu giả, giả mạo chữ ký của cán bộ Ngân hàng, lén lút dùng dấu của Ngân hàng đóng vào phiếu thu để giao cho Trần Nhân N. Đến cuối ngày, trước khi Ngân hàng thực hiện việc báo cáo ngày, bị cáo xóa bỏ phiếu thu trên mạng máy tính do bị cáo lập trước đó, đồng thời, sử dụng máy tính nội bộ, sửa tên Trần Nhân N thành tên khác, sửa mã giao dịch khách hàng và thời gian đến hạn trả nợ của Trần Nhân N.

Tương tự, ngày 17/8/2005 Trương Trung Thanh ký hợp đồng tín dụng số N1126 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L, số tiền 25.000.000đ, đến ngày 10/11/2006 Trương Trung T nhờ Trần Văn B trả tiền Ngân hàng, do có mối quan hệ quen biết, khi đến Ngân hàng Trần Văn B giao cho bị cáo Nguyễn Đình H số tiền 26.000.000đ nhờ bị cáo Nguyễn Đình H trả Ngân hàng để tất toán hợp đồng tín dụng số N1126 ngày 17/8/2005 của Trương Trung T, nhưng bị cáo Nguyễn Đình H không trả Ngân hàng mà chiếm đoạt số tiền trên. Bị cáo Nguyễn Đình H lợi dụng tình hình thực tế là cán bộ Kế toán có thể hỗ trợ nhau trong việc xóa bút toán, khi quỹ trả phiếu thu về nên bị cáo Nguyễn Đình H đã lấy phiếu thu của Trương Trung T. Mặt khác, bị cáo Nguyễn Đình H sử dụng mạng máy tính nội bộ, sửa tên Trương Trung T thành tên khác, sửa mã giao dịch khách hàng, sửa số kế ước và các thông tin khác của khách hàng, thể hiện Trương Trung T đã trả tiền Ngân hàng xong.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H mức án 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng các Điều 50 và 51 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 25 (hai mươi lăm) năm tù của bản án số 808/2009/HSPT của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2007.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 280 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Đình H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Nhân N, bà C tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 05/6/2017 là 63.466.652đ (Sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) và trả cho ông Trương Trung T, bà X

tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 05/6/2017 là 90.411.458đ (Chín mươi triệu bốn trăm mười một nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng).

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2017, bị cáo Nguyễn Đình H kháng cáo với nội dung khoản tiền của ông Trần Nhân N đã được cộng để xét xử năm 2009, nhưng do Tòa án đã ghi thiếu trong phần quyết định của bản án, nên số tiền này chỉ là trách nhiệm dân sự, nay lấy số tiền này để truy tố hình sự cho bị cáo là không đúng, đối với số tiền của ông Trương Trung T bị cáo thừa nhận, bị cáo xin giảm nhẹ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đình H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H và giữ nguyên Bản án sơ thẩm, vì theo Cáo trạng số 08/QĐ-KSĐT-KT ngày 20/01/2009 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Bản án số 44/2009/HSST ngày 22/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thì số tiền 20.440.000đ của ông Trần Nhân N chưa được xem xét giải quyết, do lúc này chỉ chứng minh được bị cáo chiếm đoạt của ông N số tiền 18.520.000đ, còn khoản tiền 20.440.000đ mặc dù bị cáo có khai nhưng cơ quan điều tra chưa đủ chứng cứ để chứng minh bị cáo chiếm đoạt của ông N. Đối với số tiền 26.000.000đ của ông Trương Trung T Cáo trạng và Bản án trước đây cũng chưa được xem xét giải quyết.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình H khai nhận có chiếm đoạt của ông N hai khoản tiền gồm số tiền 18.520.000đ và khoản tiền 20.440.000đ, hai khoản tiền này bị cáo đã khai nhận chung trong một biên bản ghi lời khai trước đây và đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố, đưa vào phần luận tội tại phiên tòa ngày 22/7/2009 và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã xử phạt bị cáo 20 năm tù, đối với số tiền 26.000.000đ chiếm đoạt của ông Trương Trung T không nằm trong danh sách 07 khách hàng còn lại mà Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý sau như Kết luận điều tra số 39 ngày 20/5/2008 đã nêu.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Đình H phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Đình H là kế toán của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L được phân công phụ trách theo dõi việc thu nộp vay đối với các xã PL, T, Th và thị trấn L. Từ năm 2003 đến năm 2007, bị cáo Nguyễn đình H đã lợi dụng chức

vụ, quyền hạn được giao, lợi dụng lòng tin của khách hàng đến vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L đưa tiền nhờ bị cáo Nguyễn Đình H trả nợ vay khi đến hạn và nhờ Nguyễn Đình H trả nợ dùm do không có khả năng trả nợ đến hạn làm hồ sơ xin vay lại. Nhưng bị cáo không dùng tiền của mình để tắt toán hợp đồng của ông N, ông T mà bị cáo dùng thủ đoạn gian dối, sửa hồ sơ vay cũng như hệ thống máy tính nội bộ của Ngân hàng, lợi dụng kẽ hở của hệ thống cũng như của đồng nghiệp để tắt toán các hợp đồng của ông N và ông T, sau khi hồ sơ vay lại được giải ngân, ông N đưa cho bị cáo số tiền 20.440.000đ mà ông Nghĩa còn nợ Ngân hàng nhờ bị cáo trả thay thì bị cáo chiếm đoạt vì trên thực tế sổ sách của Ngân hàng thì ông N vẫn còn nợ 20.440.000đ, đối với trường hợp của ông T mang tiền đến nhờ bị cáo trả nợ dùm nhưng bị cáo không trả mà dùng thủ đoạn gian dối trên hệ thống máy tính để in phiếu thu giả đưa cho ông T để ông T tin bị cáo đã trả xong nợ nhưng trên hệ thống Ngân hàng thì ông T vẫn còn nợ số tiền 26.000.000đ.

Hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao của bị cáo để chiếm đoạt số tiền 20.440.000đ của ông Trần Nhân N và 26.000.000đ của ông Trương Trung T của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 280 Bộ luật Hình sự, nên việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Đặc biệt, gây mất lòng tin của người dân đối với hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam nói chung và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L nói riêng. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo cho rằng số tiền 20.440.000 đồng đã được truy tố, xét xử nhưng thực tế tại Cáo trạng số 08/QĐ-KSĐT-KT ngày 20/01/2009 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Bản án sơ thẩm số 44/2009/HSST ngày 22/7/2009, Công văn số 54/VKS-P1 ngày 14/3/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Công văn số 127/CV-TA ngày 11/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và quá trình điều tra thể hiện số tiền 20.440.000 đồng bị cáo Nguyễn Đình H chiếm đoạt của ông Trần Nhân N, mặc dù bị cáo có khai nhưng chưa có chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bị cáo, nên chưa được truy tố, xét xử; đối với số tiền 26.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của ông Trương Trung T bị cáo cho rằng số tiền trên không nằm trong diện 07 khách hàng còn lại mà Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý sau như Kết luận điều tra số 39 ngày 20/5/2008. Xét thấy, số tiền 26.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của ông Trương Trung T quá trình điều tra đã đủ căn cứ chứng minh bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối như in phiếu thu giả, sửa họ tên của ông T trên hệ thống máy tính để chiếm đoạt, nên việc truy tố, xét xử bị cáo về hành vi lạm dụng chức vụ

quyền hạn, chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo yêu cầu xem xét, xác minh làm rõ ai là người chịu trách nhiệm trước việc làm thiếu sót số tiền 46.440.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do giới hạn của việc xét xử Tòa án chỉ xét xử những hành vi mà Viện kiểm sát truy tố, do khoản tiền 46.440.000đ Cáo trạng số 08/QĐ-KSĐT-KT ngày 20/01/2009 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu chưa truy tố và chưa được xét xử, nên không có căn cứ để xác định có sự thiếu sót của cơ quan điều tra, truy tố. Hiện nay đã có đủ chứng cứ chứng minh bị cáo chiếm đoạt số tiền trên và thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự vẫn còn nên Cơ quan điều tra ra quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo là phù hợp.

Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H, có cơ sở chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị cáo Nguyễn Đình H kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, lãi suất trong giai đoạn thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự và án phí không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 280; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 06 (sáu) năm tù.

- Áp dụng Điều 50 và Điều 51 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 25 (hai mươi lăm) năm tù của bản án số 808/2009/HSST ngày 08/10/2009 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2007.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải nộp 200.000 đồng.

Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, lãi suất trong giai đoạn thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự và án phí không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Phước Long (01b);
- VKSND huyện Phước Long (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- Cơ quan CSĐT CA huyện Phước Long (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long(01b);
- Sở Tư Pháp (01 bản);
- Trại tạm giam CA. tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (02 bản);
- Nguyên đơn DS (01 bản);
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Anh Tuấn